TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

2. Bà Phạm Thị Mai

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 486/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2026.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 091193000194 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: 3 khu phố B, đường Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tuấn V, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 079090008712 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung khởi kiện ngày 22/8/2025 cùng lời trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn - bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà Lê Thị Kim T (gọi tắt là bà T) và ông Phạm Tuấn V (gọi tắt là ông V) tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết số 27/2016, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T (nay là ủy ban phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016. Quá trình chung sống, thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông V không hoàn thành trách nhiệm của một người chồng, người cha. Bà thấy cuộc sống mệt mỏi, ngột ngạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Hoàng K, sinh ngày 13/12/2016 và trẻ Phạm Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng K và trẻ Hoàng Q, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V đều vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên được.

Tại phiên tòa

Bị đơn - ông Phạm Tuấn V vắng mặt không lý do.

Nguyên đơn - bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà và ông V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết số 27/2016, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T (nay là ủy ban phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016. Quá trình chung sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông V không hoàn thành trách nhiệm của một người chồng, người cha. Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn cương quyết được ly hôn với ông V để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Hoàng K, sinh ngày 13/12/2016 và trẻ Phạm Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng K và trẻ Hoàng Q, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim T đối với ông Phạm Tuấn V.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T về việc nuôi trẻ

Phạm Hoàng K, sinh ngày 13/12/2016 và trẻ Phạm Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V, do bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền giải quyết

Căn cứ đơn khởi kiện ghi ngày 22/8/2025 của bà T; kết quả xác minh ngày 10/11/2025 của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: ông Phạm Tuấn V có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn

Bị đơn - ông Phạm Tuấn V đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Lần thứ nhất vào ngày 23/3/2026, lần thứ hai ngày 10/4/2026, Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết số 27/2016, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T (nay là ủy ban phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông V vì không thể hàn gắn. Từ khi thụ lý đến khi xét xử ông V không đến Tòa án để tự khai, hòa giải và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc bà T xin ly hôn, chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét lời trình bày của bà T là được ly hôn với ông V, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, và tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là được ly hôn với ông V.

[4] Về con chung

Theo trình bày của bà T và bản sao giấy khai sinh do bà T cung cấp cho Tòa án thể hiện quá trình chung sống bà T và ông V có hai con chung là trẻ Phạm Hoàng K, sinh ngày 13/12/2016 và trẻ Phạm Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024. Hiện trẻ Hoàng K và trẻ Hoàng Q đang sống cùng bà T. Do đó, sau

khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hoàng K và Hoàng Q.

Theo biên bản lấy ý kiến ngày 21/11/2025 của trẻ Hoàng K thể hiện: trẻ Hoàng K có nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn, còn trẻ Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024, tính đến nay trẻ Hoàng Q dưới 36 tháng tuổi.

Xét nguyện vọng của trẻ và trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao trẻ Hoàng K và Hoàng Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Do bà T không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, ông V cũng không có mặt, nên không trình bày ý kiến. Do đó, Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V, do bà T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và Điều 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Phạm Tuấn V.

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Hoàng K, sinh ngày 13/12/2016 và trẻ Phạm Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2024 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Toạn hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Tuấn V, do bà Lê Thị Kim T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025863, ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tiến Quang